TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19/3/2025

Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Hổ.

2. Ông Trần Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang..

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Vụ án không thuộc trường hợp có Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2025/TLST- HNGĐ, ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXX-HNGĐ, ngày 07 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1981 (có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Văn A, sinh năm 1981 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Xẻo Lùng, xã Thạnh Yên A, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/02/2025 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé H trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bé H và ông Trần Văn Acưới nhau vào năm

2002 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà Hai yêu cầu được ly hôn với ông A.

Về con chung: Bà Hai và ông A có 02 người con chung tên: Trần Văn Ái, sinh năm 2003 và Trần Văn Thái, sinh năm 2005. Các con đã trưởng thành nên bà Hai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: Bà Hai trình bày vợ chồng không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 07/3/2025 bị đơn ông Trần Văn A trình bày:

Về hôn nhân: Ông A đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Hai.

Về con chung: Bà Hai và ông A có 02 người con chung nhưng đều đã trưởng thành nên ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Đơn khởi kiện; Bản sao giấy khai sinh tên Trần Văn Ái và Trần Văn Thái; Giấy xác nhận không có đăng ký kết hôn; Đơn xin xác nhận nơi cư trú của bị đơn.

Bị đơn cung cấp: Đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. **Về thủ tục tố tụng**: Bị đơn ông Trần Văn Acó đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. **Về hôn nhân**: Bà Hai và ông A cưới nhau vào năm 2002 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa bà Hai với ông A là không hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Bà Nguyễn Thị Bé Hvà ông Trần Văn Atheo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. **Về con chung**: Bà Hai và ông A có 02 người con chung tên: Trần Văn Ái, sinh năm 2003 và Trần Văn Thái, sinh năm 2005, các con đã trưởng thành nên

bà Hai và ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. **Về chia tài sản chung**: Bà Hai và ông A trình bày là không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. **Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm**: Bà Nguyễn Thị Bé Hphải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Bà Nguyễn Thị Bé Hđã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0000880 ngày 17/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Bé H với ông Trần Văn A.

2. Về con chung: Bà Hai và ông A có 02 người con chung nhưng đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về chia tài sản chung: Bà Hai và ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bé Hphải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Bà Nguyễn Thị Bé Hđã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0000880 ngày 17/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng;*
- *Cơ quan Thi hành án Dân sự H. U Minh Thượng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Khanh